

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ngọc Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lệ A, sinh năm 1982

Địa chỉ: Stendaler S. 142, 12627 B, G (CHLB Đ)

Địa chỉ liên hệ: 2E, khu phố 1, p. Quang Vinh, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông An Đức T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Stendaler S. 142, 12627 B, G (CHLB Đ)

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Bà Hoàng Anh T1, sinh năm 2002

Địa chỉ: E, khu chung cư B, phường B, Tp ., T. Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Lệ A trình bày:*

Năm 2012 bà đi du lịch tại Đức và quen biết ông An Đức T. Sau đó, ông bà quyết định tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn, được UBND Thành Phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2017 ngày 12/01/2017.

Quá trình chung sống tương đối hạnh phúc, ông bà có 01 con chung là cháu An Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/08/2017.

Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trong tư tưởng, cách sống, quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông An Đức T.

- Về con chung: Bà yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1 Nguyễn Minh Đ sau ly hôn và không yêu cầu ông An Đức T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông An Đức T trình bày:*

Năm 2012 khi ông đang làm việc tại CHLB Đ thì gặp và quen biết bà Lê A. Sau đó ông về Việt Nam kết hôn, được UBND Thành Phố B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2017 ngày 12/01/2017. Ông quay trở lại Đ1 làm việc, đón vợ sang cùng sinh sống. Quá trình chung sống tương đối hạnh phúc, ông bà có 01 con chung là cháu An Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/08/2017.

Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn được. Nay và Lê A có yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Lê A.

- Về con chung: Ông đồng ý để bà Nguyễn Lê A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu An Nguyễn Minh Đ sau ly hôn và tạm thời ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Ông T và bà Lê A không thể tiếp tục xây dựng được cuộc sống chung, việc duy trì quan hệ hôn nhân của ông bà không còn cần thiết do đó yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê A là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Cả hai ông bà đều đồng ý để bà Lê A là người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, từ khi sinh ra đến nay cháu Đ cũng sống chung với mẹ. Do đó,

giao cháu An Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/8/2017 cho bà Nguyễn Lệ A trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Các đương sự đều trình bày không cần ông T cấp dưỡng. Do đó, tạm thời ông An Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông An Đức T hiện đang cư trú tại nước ngoài (Cộng hòa liên bang Đ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử :

Nguyên đơn bà Lệ A, bị đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân:

Ông An Đức T và bà Nguyễn Lệ A được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/2017 ngày 12/01/2017, hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Bà Lệ A yêu cầu ly hôn do đó áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy ông T và bà Lệ A không thể tiếp tục xây dựng được cuộc sống chung, cả hai ông bà đều trình bày đã không còn tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân của ông bà không còn cần thiết do đó yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lệ A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Các đương sự xác định có 01 con chung là cháu An Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/08/2017. Xét thấy cả hai ông bà đều đồng ý để bà Lệ A là người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, từ khi sinh ra đến nay cháu Đ cũng sống chung với mẹ. Do đó, giao cháu An Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/8/2017 cho bà Nguyễn Lệ A trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Về cấp dưỡng: Các đương sự đều trình bày không cần ông T cấp dưỡng. Do đó, tạm thời ông An Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Lệ A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 238, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Lệ A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lệ A được ly hôn với ông An Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu An Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/8/2017 cho bà Nguyễn Lệ A là người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm thời ông An Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Lệ A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000227 ngày 22/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Bà Nguyễn Lệ A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, ông An Đức T được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- UBND Tp. Biên Hòa;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Phong